TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 68/2023/QĐST-DS	*Sơn Trà, ngày 30 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đức

Ông Vũ Bá Bảo

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Mai H**, sinh năm 1955 và bà **Trần Thị N**, sinh năm 1962.

Cùng trú tại: Số 18 đường A, phường A, quận S thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà **Mai Thị Xuân D,** sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 18 đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (theo giấy uỷ quyền ngày 02/3/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Trần Thiên T**, Văn phòng Luật sư Trần Thiên T, Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn (Có yêu cầu phản tố)*: **Công ty TNHH D**. Địa chỉ: Số 5 đường A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn V; Chức vụ: Giám đốc.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Sương T,** sinh năm: 1989, địa chỉ: K132/9 đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thoả thuận các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chấm dứt thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 04/2021/HĐXD-ĐNH ngày 15/4/2021 giữa ông Mai H, bà Trần Thị N và Công ty TNHH D.

2.2. Công ty TNHH D phải thanh toán cho ông Mai H và bà Trần Thị N số tiền 187.358.566đ (Một trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng), bao gồm:

- Số tiền vật tư, nguyên liệu, nhân công để khắc phục những tồn tại của công trình là 127.358.566đ (Một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng)

- Số tiền chi phí gia đình ông Mai H và bà Trần Thị N thuê nhà để ở 12 tháng là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng)

2.3. Ông Mai H và bà Trần Thị N phải thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền 248.065.000đ (Hai trăm bốn mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), bao gồm:

- Số tiền thi công công trình còn lại là 233.065.000đ (Hai trăm ba mươi ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng);

- Số tiền chi phí trả cho nhân viên bảo vệ dụng cụ tại công trình và đi lại để giải quyết các vấn đề tại công trình với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

2.4. Chi phí tố tụng:

2.4.1. Chi phí trưng cầu giám định:

Ông Mai H và bà Trần Thị N phải chịu 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng)

Công ty TNHH D phải chịu 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng)

Ông Mai H, bà Trần Thị N đã tạm ứng số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), Công ty TNHH D đã tạm ứng số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), đã nộp đã chi. Công ty TNHH D phải hoàn trả cho ông Mai H và bà Trần Thị N đã tạm ứng số tiền chi phí trưng cầu giám định 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.4.2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Mai H và bà Trần Thị N tự nguyện chịu 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đã nộp đã chi.

2.5. Sau khi cấn trừ tất cả các khoản chênh lệch các bên phải thanh toán cho nhau ở mục 2.2, 2.3, 2.4 như trên thì còn lại ông Mai H, bà Trần Thị N phải thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền 35.706.434đ (Ba mươi lăm triệu, bảy trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai H, bà Trần Thị N đối với yêu cầu phạt bồi thường về chất lượng với số tiền 8.876.000đ (Tám triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng), yêu cầu bồi thường vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng với số tiền 96.250.000đ (Chín mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi nghìn đồng) và

yêu cầu bồi thường mất thu nhập với số tiền 412.500.000đ (Bốn trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng)

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH D đối với yêu cầu thanh toán chi phí khấu trừ thiết bị và hư hỏng thiết bị, giàn giáo tại công trình trong thời gian đình chỉ thi công với số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Công ty TNHH D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 9.667.928đ (Chín triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.100.000đ (Tám triệu, một trăm nghìn đồng) Công ty TNHH D đã nộp theo biên lai thu số: 0003262 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng, còn lại Công ty TNHH D phải nộp thêm 1.567.928đ (Một triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm hai mươi tám đồng)

5.2. Ông Mai H, bà Trần Thị N là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Mai H, bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.880.750đ (Bảy triệu, tám trăm tám mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) ông Mai H, bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu số: 0003163 ngày 17/02/2022 và số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 17.365.000đ (Mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) ông Mai H, bà Trần Thị N đã nộp theo biên lai thu số: 0003191 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng